

Sở y Tế Lâm Đồng
TRUNG TÂM Y TẾ BẢO LÂM

PHỤ LỤC 12
BIÊN BẢN THANH LÝ THUỐC, HÓA CHẤT/
VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HOA

MS: 15D/BV-01
SỐ:.....

- Hội đồng thanh lý gồm:
- Ông Đỗ Phú Lương Giám đốc
 - Ông Nguyễn Đình Hoàn Phó Giám đốc
 - Ông Nguyễn Văn Thắng NV khoa được Thư ký

Các thành viên hội đồng thanh lý theo quyết định số: 1664/QĐ-TTYYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Trung Tâm Y Tế Bảo Lâm Có mặt đủ. Vắng 0

Đã tiến hành hợp xết số lượng thuốc, vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất hết hạn sử dụng năm 2022 theo danh mục khoa được tổng hợp đề xuất;

Tại hội trường TTYYT Bảo Lâm Từ 10 giờ 00 phút ngày 29 / 12 /2022 đến 11 giờ 00 phút ngày 29/12/2022

Kết quả như sau:

Hội đồng thanh lý rà soát lại toàn bộ thuốc, vật tư y tế, sinh phẩm, hoá chất hết hạn sử dụng năm 2022 theo biên bản xác nhận hỏng vỡ của các đơn vị gửi lên, kiểm tra cụ thể thực tế số lượng thuốc, vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế đúng với danh mục đề xuất, hội đồng thống nhất cho thanh lý

Phương pháp hủy: Hủy thuốc: thuốc, sinh phẩm, hoá chất là đang dùng dịch đông trong ống, chai, lọ, túi ... lấy dung dịch đổ vào đường ống nước thải, thuốc viên, gói bẻ viên thuốc ngâm vào nước tan hết đổ vào đường ống nước thải, vỏ ống, chai, lọ, túi, vớ thuốc, vật tư y tế, sinh phẩm không phải là dung dịch cần số lượng bàn giao cho hộ lý xử lý theo qui định xử lý rác thải;

Tổng số kg: 12 kg *Neu*

Danh mục thuốc, vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế thanh lý cụ thể như sau.

STT	Tên thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao	ĐVT	Số đăng ký	Số kiểm soát, số lô	Nước sản xuất	Hạn dùng	Đơn giá	Số lượng		Tổng số lượng	Ghi chú
								Số lượng	Tiền		
I	CHƯƠNG TRÌNH KHÂM CHỮA BỆNH										
1	Atropin sulfate 0.25mg/ml	ống	VD-24897-16	81121	Vinhaco-Việt Nam	18/02/2022	580	118	68,393	312	Kho Dược lẻ Nội trú
2	Atropin sulfate 0.25mg/ml	ống	VD-24897-16	20219	Vinhaco-Việt Nam	18/02/2022	580	184	106,646		Kho được chẩn
3	Atropin sulfate 0.25mg/ml	ống	VD-24897-17	20219	Vinhaco-Việt Nam	18/02/2022	449	10	4,494		Kho được chẩn
4	Daehanpama inj. 500mg	Ông	VN-15058-12	19001	Korea	03/09/2022	44,940	30	1,348,200	58	Kho Dược lẻ Nội trú
5	Daehanpama inj. 500mg	Ông	VN-15058-12	19001	Korea	03/09/2022	44,940	26	1,168,440		Kho được chẩn
6	Daehanpama inj. 500mg	LO	VD-15058-12	19001	Daehan-Hàn Quốc	3/9/2022	44,940.00	2	89,880		Kho Lẻ Ngoài trú
7	Smoflipid 20% Inf 100ml 20%, 100 ml	Chai	VN-19955-16	16PH8812	Ào	28/02/2022	98,000	1	98,000		Kho Dược lẻ Nội trú

8	Zinnmax-Domescos 250mg 250mg	Viên	VD-25928-16	1019	Domescos-Việt Nam	01/07/2022	1,180	1	1,180	Kho Dược lẻ Nội trú
9	Hoạt huyết dưỡng não	Viên	V1610-H12-10	5119	Traphaco-Việt Nam	07/03/2022	158	1	158	Kho Dược lẻ Nội trú
10	Nước cất pha tiêm 10 ml	Ống		145987	Bidiphar- Việt Nam	5/1/2021	1050	3	3,150	Lộc Bảo
11	Nước cất pha tiêm 10 ml	Ống		10817	Vinpharco- Việt Nam	1/8/2022	1099	6	6,594	Lộc Tấn
12	Benzylpenicillin 1.000.000 UI	Lọ	VD-24794-16	010219	Công ty Cổ phần dược phẩm Minh dân- Việt Nam	15/2/2022	3310	2	6,620	Lộc Đức
13	Benzylpenicillin 1.000.000 UI	Lọ	VD-24794-16	010219	Công ty Cổ phần dược phẩm Minh dân- Việt Nam	15/2/2022	3310	2	6,620	Lộc Ngãi
14	Benzylpenicillin 1.000.000 UI	Lọ	VD-24794-16	010219	Công ty Cổ phần dược phẩm Minh dân- Việt Nam	15/2/2022	3310	4	13,240	Lộc Tấn
15	Benzylpenicillin 1.000.000 UI	Lọ	VD-24794-16	010219	Công ty Cổ phần dược phẩm Minh dân- Việt Nam	15/2/2022	3310	6	19,860	Kho được chẩn
16	Clotest	Test	VA-A01-401A	150322	Công ty cổ phần công nghệ Việt A- Việt Nam	14/7/2022	16,065	30	481,950	Phòng Nội Soi
17	Clotest	Test	VA-A01-401A	181021	Công ty cổ phần công nghệ Việt A- Việt Nam	17/2/2022	16,065	43	690,795	
18	Vòng tránh thai Ideal	Cái		DANI661	Pregna -Ấn Độ	19/6/2022	25,000	5	125,000	Lộc Tấn
19	Vòng tránh thai Ideal	cái		DAN 1661	Pregna -Ấn Độ	19/6/2022	25000	24	600,000	Kho Lê Ngoại trú
20	Calci clorid 500mg/ 5ml 10%-5ml	Ống	VD-22935-15	20219	Minh Dân - Việt Nam	11/2/2022	943.00	2	1,886	Kho Lê Ngoại trú
21	Magnesi sulfat Kabi 15%	Ống	VD-19567-13	86NDA009	Bình Định - Việt Nam	1/4/2022	2,730.00	5	13,650	Kho Lê Ngoại trú
22	Magnesi sulfat Kabi 15%	Ống	VD-19567-13	86NDA009	Bình Định - Việt Nam	1/4/2022	2,835.00	4	11,340	Kho được chẩn
23	No-Spa 40mg/2ml 40mg/ 2ml	Ống	VD-14353-11	7CG68A	Chinolin Znt- Hungary	29/6/2022	5305.98	8	42,448	Kho Lê Ngoại trú
24	Nystatin 500000IU 500. 000UI	Viên	VD-24878-16	70319	Vidipha - Việt Nam	8/3/2022	679.35	32	21,739	Kho Lê Ngoại trú
25	Biviantac	Viên	VD-15065-11	09M18	BV Pharma - Việt Nam	28/11/2022	1499.4	4	5,998	Kho Lê Ngoại trú
26	Son dẫn lưu số 28	Cái		250119	Nam Tín - Việt Nam	25/1/2022	9000	1	9,000	Kho Lê Ngoại trú
27	Son dẫn lưu số 28	Cái		25012019	Trung Quốc	26/1/2022	12243	14	171,402	Kho được chẩn
28	Nôi khí quản số 3	Cái		20170114	Suzhouyodu - Trung Quốc	31/1/2022	25171.29	1	25,171	Kho Lê Ngoại trú
29	Nôi khí quản số 3	Cái		20170114	Trung Quốc	31/1/2022	17999.2	1	17,999	
30	Nôi khí quản số 4	Cái		20170706	Suzhouyodu - Trung Quốc	31/7/2022	17999	1	17,999	Kho Lê Ngoại trú
31	Than hoạt tính	Kg		32020	Việt nam	31/3/2022	77,499	1	77,499	Kho được chẩn
32	Dây Oxy 2 nhánh trẻ em	Cái	TC2015/HSC-NC		Dp Hoàng Sơn- Việt Nam	5/1/2022	6,000	6	36,000	Kho được chẩn
33	Kim cánh bướm	Cái	01/2019/BYT-CT	801	Vinahankook- Việt Nam	8/1/2022	1,470	98	144,060	
34	Dây Cho ăn	Cái		171002	Side-Wales	31/10/2022	3,633	10	36,330	

35	Kim khâu da TG 8*20	Cái		11/7028	Trung Quốc	22/9/2020	1,499		90	134,946		
36	Bạch thược	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	31/12/2029	144		5	720		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
37	Bạch thược	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	31/12/2029	160		4	640		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
38	Cam thảo	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	31/12/2029	265		5	1,325		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
39	Cát căn	gam		123	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	31/12/2029	110		5	550		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
40	Đào nhân	gam		123	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	21/12/2029	512		150	76,800		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
41	Đào nhân	gam		123	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	21/12/2029	2,376		24	57,024		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
42	Đào nhân	gam		123	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	31/12/2029	930		5	4,650		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
43	Khoản đông hoa	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	31/12/2029	1,010		46	46,460		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
44	Khoản đông hoa	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	31/12/2029	691		6	4,146		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
45	Xuyên khung	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	21/12/2029	578		10	5,780		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
46	Xuyên khung	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	31/12/2029	270		10	2,700		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
47	Xích thược	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	21/12/2029	697		8	5,576		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
48	Đương qui	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	21/12/2029	903		10	9,030		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
49	Địa long	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	21/12/2029	1,142		34	38,828		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy
50	Địa long	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc- lâm Đồng	31/12/2029	1,206		150	180,900		Kho Vĩ Thuốc, hoa hút do phổi sấy

51	Hoài sơn	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc-lâm Đồng	31/12/2029	486	2	972	Kho Vi Thuốc, hoa hũt do phổi sấy
52	Hoài sơn	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc-lâm Đồng	31/12/2029	183	1	183	Kho Vi Thuốc, hoa hũt do phổi sấy
53	Hoài sơn	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc-lâm Đồng	31/12/2029	152	1	152	Kho Vi Thuốc, hoa hũt do phổi sấy
54	Hoài sơn	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc-lâm Đồng	31/12/2029	149	3	447	Kho Vi Thuốc, hoa hũt do phổi sấy
55	Mạch môn	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc-lâm Đồng	31/12/2029	562	8	4,496	Kho Vi Thuốc, hoa hũt do phổi sấy
56	Mạch môn	gam		121	BV YHCT Bảo Lộc-lâm Đồng	1/12/2029	330	6	1,980	Kho Vi Thuốc, hoa hũt do phổi sấy
	Tổng: 56 Khoản								6,050,046	
II	CT SỐT RẾT									
1	Quinine sulphate 250mg	Viên	VD-14499-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	6/3/2022	990.00	400	396,000	Kho CTYT
2	Quinine sulphate 250mg	Viên	VD-14499-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	6/3/2022	1,101.00	20	22,020	Lộc Lâm
3	Quinine sulphate 250mg	Viên	VD-14499-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	6/3/2022	1,101.00	20	22,020	Lộc Tân
4	Quinine sulphate 250mg	Viên	VD-14499-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	6/3/2022	1,101.28	30	33,038	Lộc Ngãi
5	Quinine sulphate 250mg	Viên	VD-14499-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	6/3/2022	250.00	20	5,000	
6	Quinine sulphate 250mg	Viên	VD-14499-11	110211	Mekophar- Việt Nam	6/3/2022	767.00	20	15,340	Lộc Đức
7	Cloroquin Phosphat	Viên	VD-15025-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	17/2/2022	200.00	308	61,600	Kho CTYT
8	Cloroquin Phosphat	Viên	VD-15025-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	17/2/2022	198.00	10	1,980	Lộc Tân
9	Cloroquin Phosphat	Viên	VD-15025-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	18/2/2022	182.00	10	1,820	Lộc Lâm
10	Cloroquin Phosphat	Viên	VD-15025-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	18/2/2022	182.00	20	3,640	Lộc Đức
11	Cloroquin Phosphat	Viên	VD-15025-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	18/2/2022	182.00	20	3,640	Lộc Ngãi
12	Cloroquin Phosphat	Viên	VD-15025-11	17001CN	Mekophar- Việt Nam	18/2/2022	133.00	10	1,330	Lộc Đức
13	Cloroquin Phosphat	Viên	VD-15025-11	18001CN	Việt Nam	17/2/2022	182.00	20	3,640	

14	Arterkin 360 mg	Viên	VD-12944-10	18001	Pharbac- Việt Nam	13/9/2022	3,175.15	302	958,894	472	Lộc Lâm
15	Arterkin 360 mg	Viên	VD-12944-10	18001	Pharbac- Việt Nam	13/9/2022	3,175.15	24	76,203		Lộc Lâm
16	Arterkin 360 mg	Viên	VD-12944-10	18001	Pharbac- Việt Nam	13/9/2022	3,175.15	20	63,503		Lộc Đức
17	Arterkin 360 mg	Viên	VD-12944-10	18001	Pharbac- Việt Nam	13/9/2022	3,175.15	36	114,305		Lộc Ngãi
18	Arterkin 360 mg	Viên	VD-12944-10	18001	Pharbac- Việt Nam	13/9/2022	3,150.00	12	37,800	472	Lộc Lâm
19	Arterkin 360 mg	Viên	VD-12944-10	18001	Pharbac- Việt Nam	13/9/2022	3,150.00	12	37,800		Lộc Tân
20	Arterkin 360 mg	Viên	VD-12944-10	16001	Pharbac- Việt Nam	13/9/2022	3,150.00	12	37,800		Lộc Đức
21	Arterkin	Viên	VD-12944-11	16002	Pharbac- Việt Nam	13/9/2022	3,181.21	24	76,349		Lộc Bảo
22	Arterkin	Viên	VD-12944-12	16003	Pharbac- Việt Nam	13/9/2022	3,175.10	30	95,253	50	Lộc Bảo
23	Primaquin 13.2 mg	Viên		010818	Danaphar- Việt Nam	1/9/2021	525.00	20	10,500		Lộc Lâm
24	Primaquin 13.2 mg	Viên		010818	Danaphar- Việt Nam	1/9/2021	525.00	30	15,750		Lộc Tân
	Tổng: 24 mặt hàng								2,095,226		
III	CHƯƠNG TRÌNH COVID-19										
	Điện cực dân	Cải		EA011929	Thổ Nhĩ Kỳ	1/9/2022	5,712.00	50	285,600		Kho CTYT
	Tổng: 01 mặt hàng								285,600		
IV	CHƯƠNG TRÌNH SỐT XUẤT HUYẾT										
	Tube Serum nắp đỏ	Cải		S2017D	Việt Nam	1/12/2019	900.00	30	27,000		Kho CTYT
	Tổng: 01 mặt hàng								27,000		
V	CT TIÊM CHỨNG										
1	Sốt-Rubela	Liều	QLVX-995-17	MR-0820	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vaccin và sinh phẩm y tế- Việt Nam	8/9/2022	13,923.00	70	974,610	Kho CTYT	
2	Dùng mũi- Sốt Rubela	Liều			Trung tâm nghiên cứu sản xuất vaccin và sinh phẩm y tế- Việt Nam	10/9/2022		70			
3	Vaccib bại liệt dạng tiêm IPV	Liều	QLVX-HO2-1051-17	bp-1420	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vaccin và sinh phẩm y tế- Việt Nam	22/6/2022	49,614.70	30	1,488,441		
	Tổng: 03 mặt hàng								2,463,051		
	Cộng: I+II+III+IV+V								10,920,923		

Bảng chữ: (Mười triệu, chín trăm hai mươi ngàn, chín trăm hai mươi ba đồng)



PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Wdu

NGUYỄN ĐÌNH HOAN

THÀNH VIÊN

Mad

ĐINH THỊ THUYỀN NGÂN

Sh

PHẠM THỊ TIẾN

NGUYỄN THỊ HỒNG CHIẾN

THỦ KÝ

VL

NGUYỄN VĂN THẮNG

2 Col

HOÀNG THỊ KIM CÚC

va

KÀ TỒ THỊ DUNG

hanuu

NGUYỄN THỊ TRANG